

Bản án số: 90/2023/HS-ST

Ngày: 06 - 4 - 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Minh Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trục và bà Ngô Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2023/TLST –HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Viết S (Tên gọi khác: B), sinh ngày 24/3/1990, tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 32/9 đường P, phường A, thành phố H, tỉnh T; nơi cư trú: Số 08/68 đường P, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết X và bà Trần Thị Ánh T (đã chết); vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2015. Gia đình có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình.

* *Về nhân thân:* Ngày 26/6/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T xử phạt 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 92/2007/HSST-QĐ).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/8/2020, chuyển tạm giam từ ngày 05/9/2020, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T cho đến nay. Có mặt.

2. Trần N, sinh ngày 01/10/1997, tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần N, sinh năm 1964 và bà Võ Thị Thanh V (đã chết); vợ, con chưa có. Gia đình có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/8/2020, chuyển tạm giam từ ngày 05/9/2020, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T cho đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Hữu B, sinh ngày 01/9/1997, tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm H, xã T, huyện N, tỉnh A; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ

học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; vợ, con: chưa có. Gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/01/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh T cho đến nay. Có mặt.

4. Lê Nhật T, sinh ngày 20/8/1997, tại tỉnh T; nơi cư trú: Số 119 đường T, phường C, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1966 và bà Bạch Thị Thu H, sinh năm 1970; vợ, con: chưa có. Gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/01/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh T cho đến nay. Có mặt.

5. Nguyễn Đăng H, sinh ngày 26/9/2002, tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn Giáp Thượng 3, phường V, thị xã T, tỉnh T; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T, sinh năm 1974 và bà Trương Thị B, sinh năm 1975; vợ, con: chưa có. Gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/8/2020, đến ngày 06/9/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ban hành Quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án và Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can, bị bắt tạm giam ngày 21/12/2021, đến ngày 21/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp “Bảo lãnh” cho đến nay. Có mặt.

6. Lê Thị Xuân A, sinh ngày 20/02/1987, tại tỉnh T; nơi cư trú: Số 05/01 kiệt 49 đường T, phường D, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Nhân viên Spa; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang P (đã chết) và bà Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1970; chồng không có; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016. Gia đình có 05 chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. **Tiền án, tiền sự: Không.**

** Về nhân thân:*

- Ngày 17/01/2013, bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính hình thức “Phạt tiền” 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Ngày 10/5/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh T ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Cướp tài sản” (Quyết định khởi tố bị can số 110/CSĐT).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/8/2020, chuyển tạm giam từ ngày 07/9/2020, đến ngày 26/12/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ban hành Quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án và Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can, ngày 21/12/2021, bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh T cho đến nay. Có mặt.

7. Phan Thành M, sinh ngày 21/10/1995, tại tỉnh T; nơi cư trú: Số 205/35 đường

T, phường P, thành phố H, tỉnh T. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Minh Q, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1972; vợ: Trần Ngọc Xuân T, sinh năm 1997; có 01 con sinh năm 2021. Gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2021, đến ngày 21/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp “Bảo lĩnh” cho đến nay. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Viết S:** Ông Nguyễn Văn K - Luật sư của Công ty Luật Kỹ Nguyễn và cộng sự; địa chỉ: Số 32 đường C, phường X, thành phố H, tỉnh T; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần N:** Ông Lê Hồng S và ông Dương Văn Ph – Luật sư của Công ty luật FDVN – Chi nhánh H; địa chỉ: Số 56A đường P, phường A, thành phố H, tỉnh T. Tại phiên tòa bị cáo từ chối, không yêu cầu các luật sư bào chữa và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đăng H:** Bà Đỗ Thị Thanh H, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện N, tỉnh A;
- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm: 1987; địa chỉ: Số 08 ngõ 07 kiệt 68 đường P, phường A, thành phố H, tỉnh T;
- Chị Hoàng Thị Mỹ L, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh T;
- Anh Nguyễn C, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 52 đường Đ, phường D, thành phố H, tỉnh T;
- Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 05/147 đường V, phường Đ, thành phố H, tỉnh T;
- Chị Vũ Ngọc Linh C, sinh năm 1998; địa chỉ: Phòng 103 chung cư D, phường H, thành phố H, tỉnh T;
- Chị Trần Thị B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh T;
- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 37 kiệt 13 đường T, phường D, thành phố H, tỉnh T;
- Anh Dương Nguyễn L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 293 đường H, phường H, thành phố H, tỉnh T;
- Anh Phan Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 38 đường C, phường H, thành phố H, tỉnh T;
- Anh Nguyễn Phi Trung N, sinh ngày 26/10/2002; địa chỉ: Số 04/78 đường X, phường L, thành phố H, tỉnh T;
- Chị Trần Ngọc Xuân T, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 80 đường T, phường B, thành phố H, tỉnh T;
- Ông Đào Hữu H, sinh năm 1973 và bà Đặng Thị D, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: thôn N, xã N, thành phố H, tỉnh B;
- Anh Trần Dương Nhật Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 161 đường X, phường

Đ, thành phố H, tỉnh T;

- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 293 đường S, phường H, thành phố H, tỉnh T;

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Sinh N, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh T;

- Anh Nguyễn C, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 52 đường Đ, phường D, thành phố H, tỉnh T;

- Anh Lê Quang P, sinh ngày 26/12/2002; địa chỉ: TDP T, phường V, thị xã T, tỉnh T;

- Anh Trần Văn Q, sinh năm 1992; địa chỉ: TDP T, phường V, thị xã T, tỉnh T;

- Anh Lê T, sinh năm 1999; địa chỉ: TDP T, phường V, thị xã T, tỉnh T;

- Anh Phan Phụng T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh T;

- Anh Mai Văn P, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh T;

- Anh Phan Văn H, sinh năm 1997; địa chỉ: TDP 7, phường H, thị xã T, tỉnh T;

- Anh Lê Văn L, sinh năm 1992; địa chỉ: TDP T, phường V, thị xã T, tỉnh T;

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1998; địa chỉ: TDP L, phường X, thị xã T, tỉnh T;

- Anh Lê Văn Đ, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn L, Xã P, huyện Đ, tỉnh T;

- Anh Huỳnh S, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn L, Xã P, huyện Đ, tỉnh T;

- Anh Lê Hoài Nguyên, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn L, Xã P, huyện Đ, tỉnh T;

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1965; địa chỉ: Phường V, thành phố H, tỉnh T;

- Anh Nguyễn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Phường V, thành phố H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2020, tại các phòng 1, phòng 3 và phòng VIP 4 thuộc căn hộ ở Lô LKV10-6, khu đô thị R, phường V, thành phố H (trước đây là xã V, thị xã T), tỉnh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh T đã phát hiện bắt quả tang các đối tượng đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cụ thể:

- Tại phòng 1 gồm có 03 (ba) đối tượng gồm: Phan Thành M, Trần Ngọc Xuân T, Nguyễn Phi Trung N.

- Tại phòng 3 gồm có 08 (tám) đối tượng gồm: Lê Thị Xuân A, Nguyễn C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị U, Dương Nguyễn L; Phan Văn T, Vũ Ngọc Linh C, Trần Thị B.

- Tại phòng VIP4 gồm có 13 (mười ba) người như sau: Nguyễn Đăng H, Lê Quang Ph, Trần Văn Q, Lê T, Phan Phụng T, Mai Văn P, Phan Văn H, Lê Văn L,

Nguyễn Văn S, Lê Văn , Huỳnh S, Lê Hoài N và Nguyễn Hữu B đang làm nhiệm vụ đánh nhạc.

*** Vật chứng liên quan đến vụ án đã thu giữ:**

- Tại phòng 1 thu giữ gồm:

- + 01 (một) đĩa sứ màu trắng.
- + 03 (ba) thẻ nhựa.
- + 01 (một) bật lửa màu tím.
- + 01 (một) chai dầu Phật linh (dầu Nhị) đã qua sử dụng.
- + 01 (một) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng.
- + 02 (hai) loa cây đứng màu đen có chữ “SONY”.
- + 03 (ba) loa nhỏ màu đen có chữ “SONY”.
- + 01 (một) loa thùng màu đen có chữ “SONY”.
- + 01 (một) đầu đĩa DVD màu đen có chữ “SONY”.
- + 01 (một) đèn chớp hình hộp chữ nhật màu đen, không rõ nhãn hiệu.
- + 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng không rõ nhãn hiệu.
- + 01 (một) gói niêm phong bằng bì thư giấy màu trắng và băng keo trong, bên trong có 01 (một) gói ni lông có chứa tinh thể rắn màu trắng, bên ngoài có 01 (một) chữ ký ghi họ tên Ngô Xuân T, 01 (một) chữ ký ghi họ tên Phan Thành M, 01 (một) chữ ký ghi họ tên Trần Ngọc Xuân T và 02 (hai) dấu tròn đỏ của Công an xã V, thị xã T, gói niêm phong ký hiệu “A1”.

* Tại bản kết luận giám định số: 539/GĐ ngày 06/9/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận khối lượng ma túy thu giữ tại phòng 1, cụ thể như sau:

“Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định (nêu tại mục 1, phần II) có khối lượng là 0,5394g (không phẩy năm ba chính bốn gam) là ma túy, loại Ketamine.

Sau khi giám định, Cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ gồm:

+ 0,3394g (không phẩy ba ba chín bốn gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A1 (nêu tại mục 1, phần II).

+ Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Tất cả được niêm phong theo quy định”.

- Tại phòng 3 thu giữ gồm:

- + 01 (một) đĩa sứ màu trắng.
- + 01 (một) túi nilông bên trong có dính chất bột màu hồng.
- + 01 (một) thẻ nhựa màu trắng.
- + 01 (một) bật lửa màu vàng.
- + 02 (hai) chai dầu Phật linh (dầu Nhị) đã qua sử dụng.
- + 01 (một) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng.
- + 02 (hai) bình thủy tinh dùng ống hút Shisa.

- + 03 (ba) loa thùng màu đen, không rõ nhãn hiệu.
- + 01 (một) đầu âm ly màu đen, có chữ “JARGUAR SUHYOUNG”.
- + 01 (một) đèn chớp màu đen, có khối cầu tròn, không rõ nhãn hiệu.
- + 01 (một) đèn chớp (Laser) màu đen, có dòng chữ “DOUJIE DP96RGRB”.

+ 01 (một) gói niêm phong bằng bì thư giấy màu trắng và băng keo trong, bên trong có 02 (hai) túi ni lông, bên trong mỗi túi đều có chứa tinh thể rắn màu trắng, bên ngoài có 01 (một) chữ ký ghi họ tên Ngô Xuân T, 01 (một) chữ ký ghi họ tên Lê Thị Xuân A, 01 (một) chữ ký ghi họ tên Vũ Ngọc Linh C và 02 (hai) dấu tròn đỏ của Công an xã V, thị xã T, gói niêm phong ký hiệu “A1”.

* Tại bản kết luận giám định số: 538/GĐ ngày 04/9/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận khối lượng ma túy thu giữ tại phòng 3, cụ thể như sau:

“Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định (nêu tại mục 1, phần II) có tổng khối lượng là 4,0269g (bốn phẩy không hai sáu chín gam) là ma túy, loại Ketamine.

Sau khi giám định, Cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ gồm:

+ 3,8269g (ba phẩy tám hai sáu chín gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng (nêu tại mục 1, phần II).

+ Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Tất cả được niêm phong theo quy định.”.

- Tại phòng VIP4 thu giữ gồm:

- + 01 (một) đĩa sứ màu trắng.
- + 01 (một) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng.
- + 01 (một) thẻ nhựa màu cam, có dòng chữ “HERMES Paris”.
- + 03 (ba) bật lửa có dòng chữ “Viva GIANG ĐẠT THANH”.
- + 04 (bốn) chai dầu Phật linh (dầu Nhị) đã qua sử dụng.
- + 04 (bốn) loa cây đứng màu đen có chữ “SONY”.
- + 01 (một) loa nhỏ màu đen có chữ “SONY”.
- + 01 (một) loa thùng màu đen có chữ “SONY”.
- + 01 (một) đầu đĩa DVD màu đen có chữ “SONY”.
- + 01 (một) Laptop hiệu DELL màu đen.
- + 01 (một) đèn chớp màu trắng có chữ “D500 RGB”.
- + 01 (một) đèn chớp màu đen có chữ “SR-06V”.

+ 01 (một) gói niêm phong bằng bì thư giấy màu trắng và băng keo trong, bên trong có một mảnh viên nén màu vàng được gói bằng một mảnh giấy trắng, bên ngoài có 01 (một) chữ ký ghi họ tên Ngô Xuân T, 01 (một) chữ ký ghi họ tên Lê Trung, 01 (một) chữ ký ghi họ tên Nguyễn Hữu B và 02 (hai) dấu tròn đỏ của Công an xã V, thị xã T, gói niêm phong ký hiệu “A1”.

+ 01 (một) gói niêm phong bằng bì thư giấy màu trắng và băng keo trong, bên trong có 01 (một) túi nilông có chứa tinh thể rắn màu trắng, bên ngoài có 01 (một) chữ ký ghi họ tên Ngô Xuân T, 01 (một) chữ ký ghi họ tên Lê Trung, 01 (một) chữ ký ghi họ tên Nguyễn Hữu B và 02 (hai) dấu tròn đỏ của Công an xã V, thị xã T, gói niêm phong ký hiệu “A2”.

* Tại bản kết luận giám định số: 537/GĐ ngày 03/9/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận khối lượng ma túy thu giữ tại phòng VIP4, cụ thể như sau:

“1. Mảnh viên nén màu vàng trong phong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có khối lượng là 0,1507g (không phải một năm không bảy gam) là ma túy, loại MDMA.

2. Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định (nêu tại mục 1.2, phần II) có khối lượng là 2,1672g (hai phẩy một sáu bảy hai gam) là ma túy, loại Ketamine.

Sau khi giám định, Cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ gồm:

+ 1,9672g (một phẩy chín sáu bảy hai gam) mẫu tinh thể rắn màu trắng (nêu tại mục 1.2, phần II).

+ Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Tất cả được niêm phong theo quy định.

+ Không hoàn lại mẫu bột được nghiền từ mảnh viên nén màu vàng (nêu tại mục 1.1, phần II) do đã sử dụng hết trong quá trình giám định và lưu mẫu.”

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn tạm giữ các đồ vật tài liệu liên quan khác, gồm:

- Tạm giữ của Nguyễn Viết S 01 (một) điện thoại di động iPhone 6s Plus màu trắng, số IMEI: 353294074591118.

- Tạm giữ của Trần N 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, số IMEI: 353110100336098.

- Tạm giữ của Lê Nhật T 01 (một) điện thoại di động hiệu “mobell” phím bấm màu đen, số IMEI 1: 810033600789420, Số IMEI 2: 810034600789420.

- Tạm giữ của Nguyễn Hữu B 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A10 màu đỏ, số IMEI1: 357186104516683, Số IMEI 2: 357187104516681.

- Tạm giữ của Nguyễn Đăng H 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, màu hồng nhạt, số IMEI: 357277099761747.

- Tạm giữ của Lê Thị Xuân A 01 (một) điện thoại di động iPhone 6 màu đen, số IMEI: 356976066728917; 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen; 01 (một) xe mô tô biển số 75F1-608.63; số tiền: 30.000.000 đồng.

- Tạm giữ của Hoàng Thị Mỹ L 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, màu hồng nhạt, số IMEI: 357275095625650.

- Tạm giữ của Nguyễn C 01 (một) điện thoại di động iPhone 11 màu đen, số IMEI: 353887109845977.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị U 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 7 màu xám, số IMEI: 359161072026450; 01 (một) iPhone X màu vàng, số IMEI: 3572877097767232; số tiền: 20.000.000 đồng.

- Tạm giữ của Vũ Ngọc Linh C 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6, màu xám; 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen.

- Tạm giữ của Trần Thị B 01 (một) điện thoại di động iPhone X, màu vàng, số IMEI: 35310010451279.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn B 01 (một) xe mô tô biển số 75B1-211.11; 01 (một) điện thoại di động iPhone X màu vàng, số IMEI: 3573250944678976; số tiền 19.000.000 đồng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100 USD (Một trăm Đôla); 02 (hai) miếng kim loại màu vàng.

- Tạm giữ của Dương Nguyễn L 01 (một) điện thoại di động iPhone X, màu đen, số IMEI: 356724083646823; số tiền: 340.000 đồng; 01 (một) xe ô tô biển số 75A-091.25.

- Tạm giữ của Phan Văn T 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen; 01 (một) điện thoại di động Oppo màu hồng, số IMEI 1: 869125028858251, số IMEI 2: 869125028858244; số tiền: 600.000 đồng; 01 (một) xe mô tô biển số 75F1-400.84.

- Tạm giữ của Phan Thành M 01 (một) điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 5, màu đen, số IMEI 1: 861742041323481, số IMEI 2: 861742041323499.

- Tạm giữ của Nguyễn Phi Trung Nam 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen.

- Tạm giữ của Trần Ngọc Xuân T 01 (một) điện thoại di động iPhone 6 Plus, màu vàng, số IMEI: 354393066539538; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Ngọc Xuân T; số tiền: 9.000.000 đồng.

**** Quá trình điều tra, đã làm rõ hành vi của các bị cáo như sau:***

1. Đối với Nguyễn Viết S, Trần N, Nguyễn Hữu B và Lê Nhật T:

Do có ý định kinh doanh phòng “Bay” (phòng chuyên dùng để nghe nhạc và sử dụng trái phép chất ma túy), nên vào ngày 19/7/2020, Nguyễn Viết S đã thuê toàn bộ căn hộ của ông Đào Hữu H và bà Đặng Thị D ở tại Lô LKV10-6, khu đô thị R, xã V, thị xã T, tỉnh T (nay là phường V, thành phố H, tỉnh T), sau đó nhờ anh Trần Dương Nhật Q đứng tên và làm các thủ tục đăng ký kinh doanh về dịch vụ lưu trú.

Sau khi thuê được căn hộ trên, S đã tiến hành cải tạo, thiết kế và lắp đặt vật liệu cách âm, trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng, đèn chớp ... tại các phòng: phòng 1, phòng 2, phòng 3 (tầng 2) và VIP4 (tầng 3); đồng thời, mua sắm các dụng cụ phục vụ cho việc sử dụng trái phép chất ma túy như đĩa sứ, bật lửa, dầu Phật linh ... để tại căn hộ nhằm mục đích cho khách thuê phòng để nghe nhạc và sử dụng trái phép chất ma túy, thu lợi và cho khách thuê để sử dụng về dịch vụ lưu trú.

Sau đó, S thuê 05 (năm) nhân viên gồm: Trần N; Nguyễn Hữu B; Lê Nhật T; Nguyễn Sinh N; Hoàng Thị Mỹ L để giúp việc cho mình trong hoạt động kinh doanh. Trong đó, S phân công nhiệm vụ cho N, T, B làm nhân viên trực tiếp phục vụ tại các phòng bay, cụ thể 03 (ba) nhân viên này có trách nhiệm hướng dẫn khách vào các

phòng “Bay”, bật hệ thống âm thanh, ánh sáng, đèn chớp trong phòng, cung cấp các dụng cụ như: đĩa sứ, thẻ nhựa, bật lửa, ống hút, bình Shisa, dầu Phật linh, ... để cho khách sử dụng ma túy, khi khách ra về thì kiểm đếm hàng hoá rồi báo cho thu ngân để tính tiền (N, T, B đều biết rõ việc S phân công nhiệm vụ nói trên là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện để được S trả tiền lương và khách sử dụng ma túy cho tiền). N được phân công dọn dẹp các phòng, L được phân công làm thu ngân (N và L không biết việc S tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy).

Vào tối ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại các phòng “Bay” (phòng 1, phòng 3, phòng VIP 4) thuộc căn hộ ở Lô LKV10-6, khu đô thị R, xã V, thị xã T (nay là phường V, thành phố H), tỉnh T, S, N, B, T đã tổ chức cho 23 (hai mươi ba) người, trong đó có 03 (ba) người dưới 18 tuổi là Nguyễn Đăng H, Lê Quang P và Nguyễn Phi Trung N sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện, bắt quả tang vào lúc 00 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2020.

2. Đối với Nguyễn Đăng H:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 28/8/2020, sau khi ăn uống, Nguyễn Đăng H rủ (mời) 11 (mười một) người gồm: Trần Văn Q, Lê T, Phan Phụng T, Mai Văn P, Phan Văn H, Lê Văn L, Lê Quang P, Nguyễn Văn S, Lê Văn Đ, Huỳnh S, Lê Hoài N; trong đó có 01 (một) người dưới 18 tuổi là Lê Quang P đi sử dụng ma túy thì cả nhóm đồng ý. Sau đó, cả nhóm đi đến căn hộ của S ở Lô LKV10-6, khu đô thị R, phường V, thành phố H.

Trên đường đi, H nhắn tin qua mạng xã hội Facebook với một tài khoản có tên “Giai K” (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể của chủ tài khoản) đặt mua 06 (sáu) viên ma túy dạng “lắc” và ma túy dạng “khay” với tổng số tiền là 9.100.000 đồng (tiền của Hải), rồi nhắn tin địa chỉ căn hộ của S để “Giai K” đưa ma túy đến cho H. Khi H và nhóm bạn đến thì được Lê Nhật T đưa lên phòng 2 nhưng nhóm H không đồng ý vì chệ phòng nhỏ, nên Nguyễn Hữu B đưa sang phòng VIP4. Sau đó, có 01 (một) đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) đến và giao ma túy cho H. Nhận ma túy xong, Hải bỏ lên bàn mời mọi người sử dụng. B và T chuẩn bị âm thanh, ánh sáng, các dụng cụ sử dụng ma túy như đĩa sứ, dầu Phật linh, thẻ nhựa để nghiền ma túy, ... cho H và nhóm bạn sử dụng ma túy. Trong lúc, H và nhóm bạn sử dụng ma túy thì B mang Laptop của mình vào đánh chỉnh nhạc DJ để cho mọi người nghe và cùng nhau sử dụng ma túy. Đến khi bị bắt quả tang, thì khối lượng ma túy còn lại trong phòng VIP4 gồm 0,1507g (không phải một năm không bảy gam) ma túy, loại MDMA và 2,1672g (hai phải một sáu bảy hai gam) ma túy, loại Ketamine.

3. Đối với Lê Thị Xuân A:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 28/8/2020, sau khi ăn uống, Lê Thị Xuân A rủ (mời) 07 (bảy) người gồm: Nguyễn C, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị U, Dương Nguyễn L, Phan Văn T, Vũ Ngọc Linh C, Trần Thị B đi nghe nhạc và sử dụng ma túy thì cả nhóm đều đồng ý. Sau đó, A gọi điện thoại cho Nguyễn Viết S để đặt phòng sử dụng ma túy. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, A cùng nhóm bạn đến căn hộ ở Lô LKV10-6, khu đô thị R, phường V, thành phố H thì được Trần N đưa lên phòng 3. Tại đây, A nhờ S đặt giúp 02 (hai) viên ma túy dạng “lắc” và ma túy dạng “khay” với tổng số tiền là 2.700.000 đồng (số tiền này sẽ thanh toán khi chơi xong). S đồng ý rồi gọi

điện thoại cho 01 (một) đối tượng tên “Hoàng A” (không rõ nhân thân, lại lịch, địa chỉ cụ thể) đưa ma túy đến theo yêu cầu của A. Sau đó, có 01 (một) đối tượng (không rõ nhân thân, lại lịch, địa chỉ cụ thể) đến căn hộ của S giao ma túy theo đặt hàng của A thì S nói N đưa số ma túy này vào phòng 3 cho A. Sau khi có ma túy, A yêu cầu N đi làm bình Shisha để hút ma túy, còn số dụng cụ sử dụng ma túy khác đã có sẵn tại phòng. Sau đó, A rủ nhóm bạn cùng sử dụng ma túy cho đến khi bị bắt quả tang thì khối lượng ma túy còn lại trong phòng 3 là 4,0269g (bốn phẩy không hai sáu chín gam) ma túy, loại Ketamine.

4. Đối với Phan Thành M:

Vào khoảng 21 giờ, ngày 28/8/2020, Phan Thành M và người yêu là Trần Ngọc Xuân T rủ nhau đi mua ma túy để cùng nhau sử dụng. Sau đó, Thu gọi điện cho một đối tượng tên “P” (không rõ nhân thân, lại lịch, địa chỉ cụ thể) mua 1.000.000 đồng ma túy dạng “khay”. Sau khi mua được ma túy, cả hai cùng nhau đến căn hộ của Sang ở Lô LKV10-6, khu đô thị R, phường V, thành phố H thuê phòng 1 để nghe nhạc và cùng nhau sử dụng ma túy. Cả hai được Lê Nhật T đưa vào phòng, bật đèn, âm thanh, ánh sáng; các dụng cụ sử dụng ma túy đã được để sẵn tại bàn. Tại đây, M gọi điện thoại rủ Nguyễn Phi Trung N (N là người dưới 18 tuổi) đến rồi cùng nhau sử dụng ma túy cho đến khi bị bắt quả tang thì khối lượng ma túy còn lại trong phòng 1 là 0,5394g (không phẩy năm ba chín bốn gam) ma túy, loại Ketamine.

Do có sự thay đổi về địa giới hành chính nên vụ án được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền quy định của pháp luật.

*** Về xử lý vật chứng:**

Cơ quan điều tra Công an thị xã T đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp các tài sản, giấy tờ tùy thân không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

- Trả lại cho Hoàng Thị Mỹ L 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone Xs Max, màu hồng nhạt, số IMEI: 357275095625650.

- Trả lại cho Nguyễn C 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 11 màu đen, số IMEI: 353887109845977.

- Trả lại cho Nguyễn Thị U 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 7, số IMEI: 359161072026450; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone X màu vàng, số IMEI: 3572877097767232; số tiền: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Trả lại cho Vũ Ngọc Linh C 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6, màu xám; 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen.

- Trả lại cho Trần Thị B 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone X, màu vàng, số IMEI: 35310010451279.

- Trả lại cho Nguyễn Văn B 01 (một) xe mô tô biển số 75B1 – 211.11; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone X màu vàng, số IMEI: 3573250944678976; số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng); 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100 USD (một trăm đôla Mỹ); 02 (hai) miếng kim loại màu vàng.

- Trả lại cho Dương Nguyễn L 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone X, màu đen, số IMEI: 356724083646823; số tiền: 340.000 đồng (ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho Nguyễn Thị B 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 75A-091.25.

- Trả lại cho Phan Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia phím bấm màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng, số IMEI 1: 869125028858251, số IMEI 2: 869125028858244; số tiền: 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng); 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 75F1-400.84.

- Trả lại cho Phan Thành M 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 5, màu đen, số IMEI 1: 861742041323481, số IMEI 2: 861742041323499.

- Trả lại cho Nguyễn Phi Trung N 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia phím bấm màu đen.

- Trả lại cho Trần Ngọc Xuân T 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6 Plus, màu vàng, số IMEI: 354393066539538; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Ngọc Xuân T; số tiền: 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tạm giữ của bị cáo Lê Thị Xuân A: quá trình điều tra xác định có 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) là tài sản của Nguyễn C không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại 28.000.000 đồng cho Nguyễn C; còn lại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) của bị cáo Lê Thị Xuân A tiếp tục tạm giữ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6 màu đen, số IMEI: 356976066728917, 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 75F1- 608.63 và 01 (một) điện thoại hiệu Nokia phím bấm màu đen tạm giữ của bị cáo Lê Thị Xuân A: Quá trình điều tra xác định 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6 màu đen, số IMEI: 356976066728917 và 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 75F1- 608.63 không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị can Lê Thị Xuân A. Tiếp tục tạm giữ 01 (một) điện thoại hiệu Nokia phím bấm màu đen của bị cáo Lê Thị Xuân A để làm cơ sở giải quyết vụ án.

- Hiện đang tiếp tục tạm giữ các vật chứng để chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H để xử lý theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

1. 1,9672 gam (một phẩy chín sáu bảy hai gam) trong bì niêm phong là ma túy, loại Ketamine, bên ngoài có 02 (hai) chữ ký của Giám định viên Trần Nam, 02 (hai) chữ ký của Điều tra viên Đặng Vĩnh Thành, 02 (hai) dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Lê Trung, Nguyễn Hữu B, bắt ngày 29/8/2020”. *(Đây là ma túy còn lại sau khi giám định - thu giữ tại phòng VIP4 ở Lô LKV10-6, khu đô thị R, phường V, thành phố H).*

2. 3,8296 gam (ba phẩy tám hai chín sáu gam) trong bì niêm phong là ma túy, loại Ketamine, bên ngoài có 02 (hai) chữ ký của Giám định viên Trần Nam, 02 (hai) chữ ký của Điều tra viên Đặng Vĩnh Thành, 02 (hai) dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Lê Thị Xuân A, bắt ngày 29/8/2020”. *(Đây là ma túy còn lại sau khi giám định - thu giữ tại phòng 3 ở Lô LKV10-6, khu đô thị R, phường V, thành phố H).*

3. 0,3394 gam (không phẩy ba ba chín bốn gam) trong bì niêm phong là ma túy, loại Ketamine, bên ngoài có 02 (hai) chữ ký của Giám định viên Trần Nam, 02 (hai) chữ ký của Điều tra viên Đặng Vĩnh Thành, 02 (hai) dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Trần Ngọc Xuân T, Phan

Thành M và Nguyễn Phi Trung Nam, bắt ngày 29/8/2020”. (Đây là ma túy còn lại sau khi giám định - thu giữ tại phòng 1 ở Lô LKV10-6, khu đô thị R, phường V, thành phố H).

4. 03 (ba) đĩa sứ màu trắng.
5. 04 (bốn) thẻ nhựa màu trắng.
6. 01 (một) thẻ nhựa màu cam, có dòng chữ “HERMES Paris”.
7. 01 (một) bật lửa màu tím.
8. 01 (một) bật lửa màu vàng.
9. 03 (ba) bật lửa có dòng chữ “Viva GIANG ĐẠT THANH”.
10. 07 (bảy) chai dầu Phật linh.
11. 03 (ba) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng.
12. 06 (sáu) loa cây đứng màu đen có chữ “SONY”.
13. 04 (bốn) loa nhỏ màu đen có chữ “SONY”.
14. 02 (hai) loa thùng màu đen có chữ “SONY”.
15. 03 (ba) loa thùng màu đen, không rõ nhãn hiệu.
16. 02 (hai) đầu đĩa DVD màu đen có chữ “SONY”.
17. 01 (một) đầu âm ly màu đen, có chữ “JARGUAR SUHYOUNG”.
18. 01 (một) Laptop hiệu DELL màu đen.
19. 01 (một) đèn chớp hình hộp chữ nhật màu đen, không rõ nhãn hiệu.
20. 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng không rõ nhãn hiệu.
21. 01 (một) đèn chớp màu đen, có khối cầu tròn, không rõ nhãn hiệu.
22. 01 (một) đèn chớp (Laser) màu đen, có dòng chữ “DOUJIE DP96RGRB”.
23. 01 (một) đèn chớp màu trắng có chữ “D500 RGB”.
24. 01 (một) đèn chớp màu đen có chữ “SR-06V”.
25. 01 (một) túi nilông bên trong có dính chất bột màu hồng.
26. 02 (hai) bình thủy tinh dùng ống hút Shisa.
27. 01 (một) điện thoại di động iPhone 6s Plus màu trắng, số IMEI: 353294074591118 thu của bị cáo Nguyễn Việt S.
28. 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, số IMEI: 353110100336098 của bị cáo Trần N.
29. 01 (một) điện thoại di động hiệu “mobell” phím bấm màu đen, số IMEI 1: 810033600789420, Số IMEI 2: 810034600789420 của bị cáo Lê Nhật T.
30. 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A10 màu đỏ, số IMEI 1: 357186104516683, Số IMEI 2: 3571877104516681 của bị cáo Nguyễn Hữu B.
31. 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, màu hồng nhạt, số IMEI: 357277099761747 của bị cáo Nguyễn Đăng H.
32. 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen của bị cáo Lê Thị Xuân A.
33. Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 2.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKSTPH ngày 06 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố các bị cáo Nguyễn Viết S, Trần N, Nguyễn Hữu B, Lê Nhật T, Nguyễn Đăng H, Phan Thành M về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Thị Xuân A về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt:

- + Áp dụng điểm b, c khoản 2, Điều 255; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Viết S từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù.

- + Áp dụng b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Trần N và Lê Nhật T mỗi bị cáo từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm tù.

- + Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Hữu B từ 04 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng tù.

- + Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 56 của Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Thị Xuân A từ 04 năm 06 tháng đến 04 năm 09 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt tại bản án phúc thẩm số 91/2022/HSPT ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân tỉnh T, buộc Lê Thị Xuân A phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án từ 06 năm 03 tháng đến 06 năm 09 tháng tù.

- + Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1; Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Thành M từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

- + Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng H từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

- + Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại đã qua giám định; 03 (ba) đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) thẻ nhựa màu trắng; 01 (một) thẻ nhựa màu cam, có dòng chữ “HERMES Paris”; 01 (một) bật lửa màu tím; 01 (một) bật lửa màu vàng; 03 (ba) bật lửa có dòng chữ “Viva GIANG ĐẠT THANH”; 07 (bảy) chai dầu Phật linh; 02 (hai) bình thủy tinh dùng ống hút Shisa; 01 (một) túi nilông bên trong có dính chất bột màu hồng;

- + Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 06 (sáu) loa cây đứng màu đen có chữ “SONY”; 04 (bốn) loa nhỏ màu đen có chữ “SONY”; 02 (hai) loa thùng màu đen có chữ “SONY”; 03 (ba) loa thùng màu đen, không rõ nhãn hiệu; 02 (hai) đầu đĩa DVD màu đen có chữ “SONY”; 01 (một) đầu âm ly màu đen, có chữ “JARGUAR SUHYOUNG”; 01 (một) đèn chớp hình hộp chữ nhật màu đen, không rõ nhãn hiệu;

01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp màu đen, có khối cầu tròn, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp (Laser) màu đen, có dòng chữ “DOUIE DP96RGRB”; 01 (một) đèn chớp màu trắng có chữ “D500 RGB”; 01 (một) đèn chớp màu đen có chữ “SR-06V”; 01 (một) điện thoại di động iPhone 6s Plus màu trắng, số IMEI: 353294074591118 thu của bị cáo Nguyễn Viết S; 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, số IMEI: 353110100336098 của bị cáo Trần N; 01 (một) điện thoại di động hiệu “mobell” phím bấm màu đen, số IMEI 1: 810033600789420, Số IMEI 2: 810034600789420 của bị cáo Lê Nhật T; 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A10 màu đỏ, số IMEI 1: 357186104516683, Số IMEI 2: 3571877104516681 thu của bị cáo Nguyễn Hữu B; 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, màu hồng nhạt, số IMEI: 357277099761747 thu của bị cáo Nguyễn Đăng H; 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen thu của bị cáo Lê Thị Xuân A; 03 (ba) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Hữu Long 01 Laptop hiệu DELL màu đen; trả lại cho bị cáo Lê Thị Xuân A tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.000.000 đồng.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

* Người bào chữa cho Nguyễn Viết S và Nguyễn Đăng H sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; áp dụng thêm Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đăng H xử phạt bị cáo Hải từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 19/7/2020, Nguyễn Viết S thuê toàn bộ căn hộ của ông Đào Hữu H và bà Đặng Thị D ở tại Lô LKV10-6, khu đô thị R, xã V, thị xã T, tỉnh T (nay là phường V, thành phố H, tỉnh T), rồi nhờ anh Trần Dương Nhật Q đứng tên và làm các thủ tục đăng ký kinh doanh về dịch vụ lưu trú.

Nhằm mục đích cho người khác thuê phòng để nghe nhạc và sử dụng ma túy, Nguyễn Viết S đã tiến hành cải tạo, thiết kế và lắp đặt vật liệu cách âm, trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng, đèn chớp ... tại các phòng: phòng 1, phòng 2, phòng 3 (tầng 2) và VIP4 (tầng 3). Đồng thời, mua sắm các vật dụng phục vụ cho việc sử dụng ma túy như đĩa sứ, bát lửa, dầu Phật linh ... Sau đó, S thuê Trần N; Nguyễn Hữu B; Lê Nhật T; Nguyễn Sinh N; Hoàng Thị Mỹ L đến giúp việc cho mình. Trong đó, S phân công cho N, T, B có trách nhiệm hướng dẫn khách vào các phòng “Bay”, bật hệ thống âm thanh, ánh sáng, đèn chớp trong phòng, cung cấp các vật dụng như: đĩa sứ, thẻ nhựa, bát lửa, ống hút, bình Shisa, dầu Phật linh, ... để phục vụ người sử dụng ma túy, khi khách ra về thì kiểm đếm hàng hoá rồi báo cho thu ngân để tính tiền. N được phân công dọn dẹp các phòng, L được phân công làm thu ngân (qua điều tra xác định N và L không biết Nguyễn Viết S tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy).

Vào lúc 00 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2020 tại Phòng 1, Phòng 3 và Phòng VIP 4 thuộc căn hộ nói trên Nguyễn Viết S, Trần N, Nguyễn Hữu B, Lê Nhật T đang tổ chức cho 23 người, trong đó có 03 người dưới 18 tuổi là Nguyễn Đăng H, Lê Quang P và Nguyễn Phi Trung N sử dụng trái phép chất ma túy thì bị bắt quả tang. Cụ thể:

Tại Phòng 1: Phan Thành M và Trần Ngọc Xuân T cùng thống nhất mua ma túy để sử dụng. Sau đó, M gọi điện thoại rủ Nguyễn Phi Trung N là người dưới 18 tuổi đến cùng nhau sử dụng ma túy. Khi bị bắt quả tang khối lượng ma túy còn lại là 0,5394g ketamine.

Tại phòng 3: Lê Thị Xuân A cùng 07 người sử dụng ma túy, An là người rủ rê và trực tiếp nhờ Nguyễn Viết S mua ma túy sử dụng. Khi bị bắt quả tang khối lượng ma túy còn lại chưa sử dụng hết là 4,0269g Ketamine.

Tại Phòng VIP 4: Nguyễn Đăng H rủ rê 11 người sử dụng ma túy, trong đó có Lê Quang P là người dưới 18 tuổi. Nguyễn Đăng H chi tiền 9.100.000 đồng và trực tiếp liên hệ mua ma túy. Nguyễn Hữu B sử dụng Laptop của mình vào đánh chỉnh nhạc DJ để cả nhóm vừa nghe nhạc vừa cùng nhau sử dụng ma túy. Khi bị bắt quả tang, khối lượng ma túy còn lại chưa sử dụng hết gồm 0,1507g MDMA và 2,1672g oại Ketamine.

Như vậy, Nguyễn Viết S, Trần N, Nguyễn Hữu B, Lê Nhật T là đồng phạm với nhau đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại tất cả các phòng của căn hộ và phải chịu hậu quả chung về việc tổ chức cho 23 người, trong đó có 03 người từ đủ “13 tuổi đến dưới 18 tuổi”. Nguyễn Đăng H Phải chịu trách nhiệm về việc tổ chức cho 11 người sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng VIP 4, trong đó có 01 người từ đủ “13 tuổi đến dưới 18 tuổi”. Phan Thành M phải chịu trách nhiệm về việc tổ chức cho 02 người sử dụng trái phép chất ma túy tại Phòng 1, trong đó có 01 người từ đủ “13 tuổi đến dưới 18 tuổi”. Lê Thị Xuân A phải chịu trách nhiệm về việc tổ chức cho 07 người sử dụng trái phép chất ma túy tại Phòng 3.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Viết S, Trần N, Nguyễn Hữu B, Lê Nhật T, Nguyễn Đăng H, Phan Thành M về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Thị Xuân A về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo phạm vào tội rất nghiêm trọng, tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo gây dư luận xấu và ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn, trật tự trên địa bàn thành phố H. Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Trong đó, Nguyễn Viết S là người thuê và chỉ đạo các bị cáo Trần N, Nguyễn Hữu B và Lê Nhật T cho khách thuê phòng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm chính. Các bị cáo Trần N, Nguyễn Hữu B và Lê Nhật T thực hiện hành vi theo sự phân công, chỉ đạo của Sang nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức, thực hành tích cực. Các bị cáo Nguyễn Đăng H, Lê Thị Xuân A và Phan Thành M có hành vi rủ rê và cung

cấp ma túy cho người khác sử dụng trái phép trong mỗi phòng độc lập với nhau nên phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình trong phạm vi mỗi phòng mà các bị cáo tổ chức.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Các bị cáo Trần N, Nguyễn Hữu B, Lê Nhật T, Nguyễn Đăng H và Phan Thành M có nhân thân tốt; các bị cáo Nguyễn Viết S và Lê Thị Xuân A được xác định không có tiền án, tiền sự nhưng vào năm 2007 bị cáo Sang đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo An năm 2013 bị xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 05/9/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (hành vi phạm tội xảy ra sau được xét xử trước). Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, nhận ra lỗi lầm của mình thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt xét giảm nhẹ thêm cho bị cáo Lê Thị Xuân A vì vì bản thân là phụ nữ, phạm tội không vì vụ lợi mà vì ham muốn thỏa mãn tức thời, đã thật sự nhận ra lỗi lầm của mình.

Bị cáo Nguyễn Đăng H thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Do đó, khi áp dụng hình phạt cần xem xét những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 90, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự.

Ngày 05/9/2022, bị cáo Lê Thị Xuân A bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo bản án hình sự phúc thẩm số 91/2022/HSPT đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung của cả 02 bản án đối với Lê Thị Xuân A.

Từ nhận định trên, xét thấy ngoài bị cáo Nguyễn Viết S là người có vai trò chính, các bị cáo Trần N, Nguyễn Hữu B, Lê Nhật T là những người phụ thuộc, chịu sự điều khiển của Sang. Nguyễn Đăng H, Phan Thành M và Lê Thị Xuân A đều thực hiện hành vi đơn giản, quy mô tổ chức không lớn. Tất cả các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Trần N, Nguyễn Hữu B, Lê Nhật T, Nguyễn Đăng H, Phan Thành M và Lê Thị Xuân A để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy còn lại đã qua giám định là chất độc hại cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với các vật dụng gồm: 03 (ba) đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) thẻ nhựa màu trắng; 01 (một) thẻ nhựa màu cam, có dòng chữ “HERMES Paris”; 01 (một) bật lửa màu tím; 01 (một) bật lửa màu vàng; 03 (ba) bật lửa có dòng chữ “Viva GIANG ĐẠT THANH”; 07 (bảy) chai dầu Phật linh; 02 (hai) bình thủy tinh dùng ống hút Shisa; 01 (một) túi nilông bên trong có dính chất bột màu hồng là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 06 (sáu) loa cây đứng màu đen có chữ “SONY”; 04 (bốn) loa nhỏ màu đen có chữ “SONY”; 02 (hai) loa thùng màu đen có chữ “SONY”; 03 (ba) loa thùng màu đen, không rõ nhãn hiệu; 02 (hai) đầu đĩa DVD màu đen có chữ “SONY”; 01 (một) đầu âm ly màu đen, có chữ “JARGUAR SUHYOUNG”; 01 (một) đèn chớp hình hộp chữ nhật màu đen, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp màu đen, có khối cầu tròn, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn chớp (Laser) màu đen, có dòng chữ “DOUJIE DP96RGRB”; 01 (một) đèn chớp màu trắng có chữ “D500 RGB”; 01 (một) đèn chớp màu đen có chữ “SR-06V”; 01 (một) điện thoại di động iPhone 6s Plus màu trắng, số IMEI: 353294074591118 thu của bị cáo Nguyễn Viết S; 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, số IMEI: 353110100336098 của bị cáo Trần N; 01 (một) điện thoại di động hiệu “mobell” phím bấm màu đen, số IMEI 1: 810033600789420, Số IMEI 2: 810034600789420 của bị cáo Lê Nhật T; 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A10 màu đỏ, số IMEI 1: 357186104516683, Số IMEI 2: 3571877104516681 thu của bị cáo Nguyễn Hữu B; 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, màu hồng nhạt, số IMEI: 357277099761747 thu của bị cáo Nguyễn Đăng H; 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen thu của bị cáo Lê Thị Xuân A; 03 (ba) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng là phương tiện mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) Laptop hiệu DELL màu đen là tài sản của anh Nguyễn Hữu L, việc bị cáo Nguyễn Hữu B sử dụng Laptop vào mục đích phạm tội do anh L không biết nên cần trả lại cho anh L tài sản nêu trên.

- Đối với tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.000.000 đồng là tài sản của bị cáo Lê Thị Xuân A. Bị cáo A không sử dụng số tiền này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện điều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Nguyễn Viết S, Trần N, Nguyễn Hữu B, Lê Nhật T, Nguyễn Đăng H, Phan Thành M, Lê Thị Xuân A phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Viết S 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị tạm giữ 30/8/2020.

2.2. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt Trần N 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị tạm giữ 30/8/2020.

- Xử phạt Lê Nhật T 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/01/2021.

2.3. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Hữu B 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù

Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/01/2021.

2.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 56 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Lê Thị Xuân A 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù

Tổng hợp hình phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản” tại bản án phúc thẩm số 91/2022/HSPT ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T, buộc Lê Thị Xuân A phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là
..... tù.

Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2020 đến ngày 26/12/2020. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.5. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Phan Thành M

Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/12/2021 đến ngày 21/01/2022. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.6. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Đăng H

Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/8/2020 đến ngày 06/9/2020 và thời gian tạm giam từ ngày 21/12/2021 đến ngày 21/01/2022. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/12/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 1,9672 gam (một phẩy chín sáu bảy hai gam) trong bì niêm phong là ma túy, loại Ketamine, bên ngoài có 02 (hai) chữ ký của Giám định viên Trần Nam, 02 (hai) chữ ký của Điều tra viên Đặng Vĩnh Thành, 02 (hai) dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Lê Trung, Nguyễn Hữu B, bắt ngày 29/8/2020”.

+ 3,8296 gam (ba phẩy tám hai chín sáu gam) trong bì niêm phong là ma túy, loại Ketamine, bên ngoài có 02 (hai) chữ ký của Giám định viên Trần Nam, 02 (hai)

chữ ký của Điều tra viên Đặng Vĩnh Thành, 02 (hai) dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Lê Thị Xuân A, bắt ngày 29/8/2020”.

+ 0,3394 gam (không phẩy ba ba chín bốn gam) trong bì niêm phong là ma túy, loại Ketamine, bên ngoài có 02 (hai) chữ ký của Giám định viên Trần Nam, 02 (hai) chữ ký của Điều tra viên Đặng Vĩnh Thành, 02 (hai) dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Trần Ngọc Xuân T, Phan Thành M và Nguyễn Phi Trung Nam, bắt ngày 29/8/2020”.

+ 03 (ba) đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) thẻ nhựa màu trắng; 01 (một) thẻ nhựa màu cam, có dòng chữ “HERMES Paris”; 01 (một) bật lửa màu tím; 01 (một) bật lửa màu vàng; 03 (ba) bật lửa có dòng chữ “Viva GIANG ĐẠT THANH”; 07 (bảy) chai dầu Phật linh; 02 (hai) bình thủy tinh dùng ống hút Shisa; 01 (một) túi nilông bên trong có dính chất bột màu hồng;

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:

+ 06 (sáu) loa cây đứng màu đen có chữ “SONY”;

+ 04 (bốn) loa nhỏ màu đen có chữ “SONY”;

+ 02 (hai) loa thùng màu đen có chữ “SONY”;

+ 03 (ba) loa thùng màu đen, không rõ nhãn hiệu;

+ 02 (hai) đầu đĩa DVD màu đen có chữ “SONY”;

+ 01 (một) đầu âm ly màu đen, có chữ “JARGUAR SUHYOUNG”;

+ 01 (một) đèn chớp hình hộp chữ nhật màu đen, không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) đèn chớp hình trụ tròn màu trắng không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) đèn chớp màu đen, có khối cầu tròn, không rõ nhãn hiệu;

+ 01 (một) đèn chớp (Laser) màu đen, có dòng chữ “DOUJIE DP96RGRB”;

+ 01 (một) đèn chớp màu trắng có chữ “D500 RGB”;

+ 01 (một) đèn chớp màu đen có chữ “SR-06V”;

+ 01 (một) điện thoại di động iPhone 6s Plus màu trắng, số IMEI: 353294074591118 thu của bị cáo Nguyễn Việt S;

+ 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, số IMEI: 353110100336098 của bị cáo Trần N;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu “mobell” phím bấm màu đen, số IMEI 1: 810033600789420, Số IMEI 2: 810034600789420 của bị cáo Lê Nhật T;

+ 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A10 màu đỏ, số IMEI 1: 357186104516683, Số IMEI 2: 3571877104516681 thu của bị cáo Nguyễn Hữu B;

+ 01 (một) điện thoại di động iPhone Xs Max, màu hồng nhạt, số IMEI: 357277099761747 thu của bị cáo Nguyễn Đăng H;

+ 01 (một) điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen thu của bị cáo Lê Thị Xuân A;

+ 03 (ba) ống hút tự chế bằng tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.000.000 đồng.

- Trả lại cho anh Nguyễn Hữu L 01 Laptop hiệu DELL màu đen.

Các vật chứng trên có đặc điểm được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/02/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H và theo giấy nộp tiền tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 18/02/2022.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc Nguyễn Viết S, Trần N, Nguyễn Hữu B, Lê Nhật T, Nguyễn Đăng H, Phan Thành M và Lê Thị Xuân A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Phòng PV 06 CA tỉnh T;
- VKSND TP H;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tôn Minh Hiền